

**BÁO CÁO TẠI CHỖ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2015 ĐẾN 30 THÁNG 6 NĂM 2015**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỐC TẾ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 16



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ

Tầng 7, tòa nhà 46-48, Quận Hoàn Kiếm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ An Phú được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015273 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006; Giấy phép hoạt động số 17/UBCK-GPHĐQLQ ngày 26 tháng 12 năm 2006; Giấy phép bổ sung số 240/QĐ-UBCK ngày 02 tháng 04 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 19/UBCK-GPĐC ngày 18 tháng 08 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 55/UBCK-GPĐC ngày 04 tháng 12 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh số 61/UBCK-GPĐC ngày 01 tháng 02 năm 2010 và Giấy điều chỉnh số 20/UBCK-GPĐC ngày 27 tháng 10 năm 2011. Theo Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 29 tháng 08 năm 2012 đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý quỹ An Phú thành Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Quốc tế. Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC – UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 02 năm 2015 theo đó trụ sở công ty chuyển về Tầng 7, tòa nhà 46-48 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 7, Tòa nhà 46-48, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi năm tỷ đồng chẵn). Danh sách các cổ đông sáng lập gồm có:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Trị giá vốn góp	Tỷ lệ
1.	Nguyễn Thị Loan		16.000.000.000	64%
2.	Trần Văn Kỳ		6.520.000.000	26,08%
3.	Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình		2.480.000.000	9.92%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Loan	Chủ tịch
Ông Trần Anh Quân	Ủy viên
Bà Nguyễn Ngọc Dung	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Lan	Ủy Viên
Bà Trịnh Ngọc Duyên	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Kim Nguyễn	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Trần Hùng Cường	Trưởng ban kiểm soát
---------------------	----------------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ

Tầng 7, tòa nhà 46-48, Quận Hoàn Kiếm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Nguyên
Quyền Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 07 năm 2015

Số: 1004/BCKT/TC/NV9

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉTVề Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 16. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Bảo Trung
Phó Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký
hành nghề kiểm toán số 0373-2014-126-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)

Ngày 22 tháng 07 năm 2015

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Mai Quang Hiệp
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký
hành nghề kiểm toán số 1320-2014-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.785.881.587	16.916.580.129
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	10.541.276.402	16.871.974.944
1. Tiền	111		10.541.276.402	16.871.974.944
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.201.000.000	1.000.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	6.201.000.000	1.000.000
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		43.605.185	43.605.185
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	7	43.605.185	43.605.185
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		-	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		16.785.881.587	16.916.580.129

Thuyết minh từ trang 8 đến trang 16 là một bộ phận hình thành báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		78.261.898	127.761.898
I. Nợ ngắn hạn	310		78.261.898	127.761.898
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		-	-
4. Phải trả người lao động	314		25.000.000	25.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	8	-	49.500.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	9	53.261.898	53.261.898
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	10	16.707.619.689	16.788.818.231
I. Vốn chủ sở hữu	410		16.707.619.689	16.788.818.231
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.292.380.311)	(8.211.181.769)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(8.211.181.769)	(7.775.213.757)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế đến cuối năm nay	421b		(81.198.542)	(435.968.012)
7. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		16.785.881.587	16.916.580.129


Nguyễn Thị Thiệu
Người lập biểu

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 07 năm 2015


Phạm Thị Sen
Kế toán trưởng


Nguyễn Kim Nguyên
Quyền Tổng Giám đốc

Thuyết minh từ trang 8 đến trang 16 là một bộ phận hình thành báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

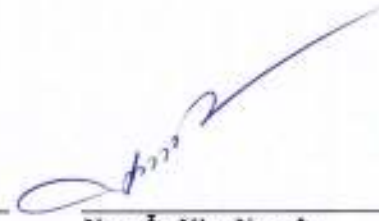
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ khác	11	01	32.323.000	60.000.000
1. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)		10	32.323.000	60.000.000
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		11	-	-
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)		20	32.323.000	60.000.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	12	21	42.877.501	6.002.051
7. Chi phí tài chính		22	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	-	-
8. Chi phí bán hàng		24	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	13	25	156.399.043	85.804.000
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))		30	(81.198.542)	(19.801.949)
11. Thu nhập khác		31	-	-
12. Chi phí khác		32	-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)		40	-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		50	(81.198.542)	(19.801.949)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		51	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		52	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)		60	(81.198.542)	(19.801.949)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		70	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	14	71	(32)	(8)


Nguyễn Thị Thiệu
Người lập biểu
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 07 năm 2015


Phạm Thị Sen
Kế toán trưởng


Nguyễn Kim Nguyên
Quyền Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	32.323.000	93.750.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(55.899.043)	(286.928.287)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(150.000.000)	(162.000.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.000.000.000	39.000.000.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12.200.000.000)	(26.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.373.576.043)	12.644.821.713
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	42.877.501	6.028.049
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	42.877.501	6.028.049
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(6.330.698.542)	12.650.849.762
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.871.974.944	1.234.816.951
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	10.541.276.402	13.885.666.723


Nguyễn Thị Thiệu
Người lập biểu
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 07 năm 2015


Phạm Thị Sen
Kế toán trưởng


Nguyễn Kim Nguyên
Quyền Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ 01/01/2015 ĐẾN 30/6/2015
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ An Phú được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015273 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006; Giấy phép hoạt động số 17/UBCK-GPHĐQLQ ngày 26 tháng 12 năm 2006; Giấy phép bổ sung số 240/QĐ-UBCK ngày 02 tháng 04 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 19/UBCK-GPĐC ngày 18 tháng 08 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 55/UBCK-GPĐC ngày 04 tháng 12 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh số 61/UBCK-GPĐC ngày 01 tháng 02 năm 2010 và Giấy điều chỉnh số 20/UBCK-GPĐC ngày 27 tháng 10 năm 2011. Theo Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 08 năm 2012 đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý quỹ An Phú thành Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Quốc tế. Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC – UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 02 năm 2015 theo đó trụ sở công ty chuyển về Tầng 7, tòa nhà 46-48 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 7, Tòa nhà 46-48, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi năm tỷ đồng chẵn).
Danh sách các cổ đông sáng lập gồm có:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Trị giá vốn góp	Tỷ lệ
1.	Nguyễn Thị Loan		16.000.000.000	64,00%
2.	Trần Văn Kỳ		6.520.000.000	26,08%
3.	Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình		2.480.000.000	9,92%

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của 6 tháng năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ ban hành theo Ban hành của Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ tài Chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.5 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Thông tư số.... sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.6 Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.7 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	8.521.405	224.383.448
Tiền gửi ngân hàng	10.532.754.997	16.647.591.496
	10.541.276.402	16.871.974.944

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ	1.000.000	1.000.000
Tạm ứng	6.200.000.000	-
	6.201.000.000	1.000.000

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 01/01/2015	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Tại ngày 30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế GTGT	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	43.605.185	-	-	43.605.185
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Thuế khác	-	-	-	-
Cộng	43.605.185	-	-	43.605.185

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long TDK	-	49.500.000
	-	49.500.000

9. PHẢI TRẢ PHẢI NỢ KHÁC

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải trả về Kinh phí công đoàn	48.754.898	48.754.898
Phải trả về các khoản bảo hiểm	4.507.000	4.507.000
	53.261.898	53.261.898

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	25.000.000.000	(7.775.213.757)	17.224.786.243
Lợi nhuận trong năm		(385.592.017)	(385.592.017)
Khác		(50.375.995)	(50.375.995)
Số dư tại ngày 01/01/2015	25.000.000.000	(8.211.181.769)	16.788.818.231
Lợi nhuận trong năm	-	(81.198.542)	(81.198.542)
Khác			-
Số dư tại ngày 30/12/2015	25.000.000.000	(8.292.380.311)	16.707.619.689

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015	Tỷ lệ	30/12/2014	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Bà Nguyễn Thị Loan	16.000.000.000	64,00%	16.000.000.000	64,00%
Ông Trần Văn Kỳ	6.520.000.000	26,08%	6.520.000.000	26,08%
Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình	2.480.000.000	9,92%	2.480.000.000	9,92%
	25.000.000.000	100%	25.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	25.000.000.000	25.000.000.000

11. DOANH THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
	VND	VND
Doanh thu từ hoạt động Repo	32.323.000	60.000.000
	32.323.000	60.000.000

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	42.877.501	6.002.051
	42.877.501	6.002.051

13. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
	VND	
Lương quản lý	150.000.000	85.804.000
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác.	6.399.043	-
	156.399.043	85.804.000

14. LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(81.198.542)	(19.801.949)
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	2.500.000	2.500.000
Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(32)	(8)

15. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(10.541.276.402)	(16.871.974.944)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	16.707.619.689	16.788.818.231
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ nợ tài chính của công ty

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.541.276.402	16.871.974.944
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.201.000.000	1.000.000
	16.742.276.402	16.872.974.944

Công nợ tài chính

Phải trả người bán và phải trả khác
Chi phí phải trả

53.261.898	53.261.898
-	49.500.000
53.261.898	102.761.898

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾTầng 7, tòa nhà 46-48, Quận Hoàn Kiếm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015
đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.541.276.402	-	10.541.276.402
Phải thu khách hàng và phải thu khác	-	-	-
	10.541.276.402	-	10.541.276.402
Tại ngày 30/06/2015			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-
	10.541.276.402	-	10.541.276.402
Chênh lệch thanh khoản thuần			
	10.541.276.402	-	10.541.276.402
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.871.974.944	-	16.871.974.944
Phải thu khách hàng và phải thu khác	-	-	-
	16.871.974.944	-	16.871.974.944
Tại ngày 31/12/2014			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-
	16.871.974.944	-	16.871.974.944
Chênh lệch thanh khoản thuần			
	16.871.974.944	-	16.871.974.944

15. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

16. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh vàng Quốc tế

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hòa Bình

Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Số dư các bên liên quan**Mối quan hệ**

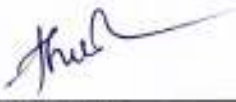
Chủ tịch HĐQT của công ty đồng thời là Phó chủ tịch của Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh vàng Quốc tế

Chủ tịch HĐQT của công ty đồng thời là Chủ tịch của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hòa Bình
Công ty nắm giữ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Hà Nội thông qua hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Hà Nội	-	3.000.000.000

17. SỞ LIỆU SO SÁNH

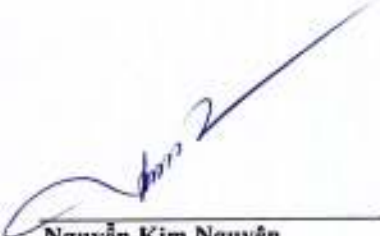
Sở liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K



Nguyễn Thị Thiệu
Người lập biểu
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 07 năm 2015



Phạm Thị Sen
Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Nguyên
Quyền Tổng Giám đốc

